TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 6 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Ôn Thị Lệ Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Đặng Khánh H**; Nơi thường trú: Tổ 07, phường Q, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Bị đơn: **Anh Lê Trọng Đ**; Nơi thường trú: Tổ 02, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, Cục C10, Bộ Công an. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu vào ngày 04/9/2019. Vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì anh Đ vi phạm pháp

luật, bị bắt tạm giam sau đó bị Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử tuyên phạt 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 05/5/2020. Hiện nay anh Đ đang chấp hành án tại trại giam Nà Tấu, cục C10, Bộ công an. Vì vậy, hai vợ chồng không còn D trì cuộc sống chung nên không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Do vậy, chị H đề nghị Toà án cho ly hôn với anh Nguyễn Trọng Đ.

2. Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Tuấn D - sinh ngày 29/01/2020. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D vì hiện tại anh Đ đang chấp hành án trong trại giam nên để cháu D cho chị chăm sóc sẽ đảm bảo quyền lợi cho trẻ nhỏ. Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/11/2023, Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và hồ sơ phôtô đơn khởi kiện cùng tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho anh Đ biết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh Đ không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án. Do đó, Toà án đã tiến hành lấy lời khai của anh Đ. Anh Đ đã được Toà án thông báo các nội dung khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ nhưng anh Đ không nhận tài liệu chứng cứ, không ký văn bản. Đối với yêu cầu khởi kiện, anh Đ không nhất trí ly hôn với chị H nên các vấn đề khác anh Đ cũng không nhất trí, biên bản lấy lời khai đã được đọc lại, anh Đ không ký biên bản, có xác nhận của Trại giam Nà Tấu. Toà án tiến hành tống Đ thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án cho anh Đ nhưng do anh Đ đang chấp hành án nên không tham gia phiên họp, chị H có ý kiến Toà án không tiến hành hoà giải do tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 29/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã ra quyết định xét xử và đã tống Đ hợp lệ cho Đ nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và tiến hành tống Đ quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Trọng Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đặng Khánh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đ, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Tuấn D và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng cũng như quan hệ tài sản và nợ. Ngoài ra chị H không có yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn, đã được Toà án tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, tại biên bản lấy lời khai của đương sự không ký nhận văn bản, không nhận các văn bản tống Đ của Toà.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho ly hôn với anh Lê Trọng Đ. Giao cháu Lê Tuấn D - sinh ngày 29/01/2020 cho chị Đặng Khánh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật; chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trước khi chấp hành án có nơi đăng ký thường trú tại Tổ 02, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về điều luật áp dụng: Chị H và anh Đ kết hôn năm 2019 nên Toà án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân cũng như để áp dụng giải quyết vụ án.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS, việc anh Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72/BLTTDS là do anh Đ đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh Đ kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu trên tinh thần tự nguyện nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân trên là hợp pháp.

Theo lời khai của chị H và Đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân do chị H cung cấp có chính quyền địa phương xác nhận: Quá trình anh chị chung

sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện anh Đ đang chấp hành án phạt tù với mức án 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý tại Trại giam Nà Tấu, Cục C10, Bộ Công an nên hai anh chị không còn ở cùng nhau, không thể quan tâm và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do anh Đ vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Chị H có cung cấp bản án số: 25/2020/HSST ngày 05/5/2020 của Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong đó tuyên phạt bị cáo Lê Trọng Đ 06 (sáu) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2019; hiện đang Đ đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu. Như vậy, chị H và anh Đ đã không còn D trì cuộc sống chung trong một thời gian tương đối dài (hơn 04 năm). Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh Đ đã vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ của người chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với chị H. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho ly hôn giữa chị H với anh Đ.

[5.2]. Về con chung: Chị H và anh Đ có một con chung là Lê Tuấn D - sinh ngày 29/01/2020. Chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D vì hiện anh Đ đang chấp hành án trong trại giam nên không thể trực tiếp chăm sóc con chung được. Xét thấy anh Đ đang chấp hành án trong trại giam không thể trực tiếp chăm sóc con chung, trong khi chị H có chỗ ở và thu nhập ổn định, cháu D còn bé (chưa tròn 36 tháng tuổi) rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do đó, quyết định giao cháu Lê Tuấn D cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[5.3]. Về tài sản và nợ: Các đương sự không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 19; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 69; Khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Khánh H được ly hôn với anh Lê Trọng Đ

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Tuấn D - sinh ngày 29/01/2020 cho chị Đặng Khánh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Tuấn D đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Khánh H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0000029 ngày 02/11/2023. Chị Đặng Khánh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/6/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- UBND phường Q, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; (Nơi đăng ký kết hôn)
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/4/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trà

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trà